

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2023/HSPT

Ngày: 16 - 8 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hữu, bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hòa – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2023/HSPT ngày 04/7/2023 đối với bị cáo Bùi Xuân T phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Do có kháng cáo của người bị hại Nguyễn Công Đ đối với bản án hình sự sơ thẩm số 30/2023/HSST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

- Họ và tên: **Bùi Xuân T**, sinh năm 1983 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKHKT: Thôn 5, xã EB, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Xuân V (đã chết) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Lưu Thị T1, sinh năm 1986; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 5, xã EB, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Ông Võ Hữu D – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH ĐA. Địa chỉ: 36 NQ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Người làm chứng:**

Chị Lưu Thị T1, sinh năm 1986 (có mặt).

Anh Lưu Văn T2, sinh năm 1990 (có mặt).

Cùng trú tại: Thôn 5, xã EB, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 13/9/2022, Bùi Xuân T cùng vợ là Lưu Thị T1 (sinh năm 1986, trú tại thôn 5, xã EB, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk) đào đất để chôn cọc rào ở khu đất gần nhà. Do thửa đất của gia đình T giáp ranh với đất của gia đình ông Nguyễn Công Đ (sinh năm 1976, cùng trú tại Thôn 5, xã EB) nên vợ chồng T gọi ông Đ đến để thống nhất chôn cọc rào phân chia ranh giới đất thì giữa T và ông Đ xảy ra tranh cãi vì không thống nhất được việc phân chia ranh giới thửa đất. Thấy T vẫn đào hố chôn cọc thì ông Đ đi tới dùng tay đẩy T lùi về sau. Lúc này, T cầm xà beng bằng kim loại đánh một cái trúng vào khuỷu tay phải ông Đ. Ông Đ tiếp tục lao tới thì T cầm xà beng đánh một cái trúng vào vai phải của ông Đ, gây thương tích. Sau đó mọi người vào can ngăn và đưa ông Đ điều trị thương tích tại trung tâm y tế huyện ES rồi chuyển lên Bệnh viện đa khoa TH, thành phố B điều trị.

Tại bản Kết luận giám định số 935 ngày 25/10/2022, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Công Đ là 11% cụ thể:

- + Vết mổ để lại sẹo hơi chéo trên xương đòn phải, kích thước 10cm x 1cm, tỷ lệ 2%.

- + Vết thương để lại sẹo hình vòng cung ở mặt sau khuỷu tay phải, kích thước 2,5cm x 0,2cm, bờ đều, phẳng gọn, tỉ lệ 1%.

- + Gãy 1/3 giữa ngoài xương đòn phải đã kết hợp xương, tỷ lệ 8%.

- Cơ chế hình thành thương tích:

- + Vết thương để lại sẹo hình vòng cung ở mặt sau khuỷu tay phải do vật tày cứng tác động trực tiếp gây nên, có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau.

- + Gãy kín 1/3 giữa ngoài xương đòn phải do vật tày cứng tác động trực tiếp gây nên có chiều hướng từ trên xuống dưới từ trước ra sau.

Quá trình điều tra, bị cáo Bùi Xuân T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Vật chứng của vụ án: 01 cây xà beng bằng kim loại, màu đen, dài 143cm, một đầu tròn có đường kính 3,5cm, một đầu dẹt, sắc, bản dẹt có chiều rộng 9,5cm.

Về vấn đề dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Công Đ có đơn yêu cầu bị cáo Bùi Xuân T bồi thường số tiền 140.214.000 đồng.

Tại bản án số 30/2023/HSST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Xuân T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134 thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T **02 (Hai) năm** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Bùi Xuân T phải tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Công Đ số tiền 41.862.000đ (*Bốn mươi một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Công Đ được nhận số tiền 5.000.000đ do bị cáo Bùi Xuân T nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ES theo biên lai thu số 0001546 ngày 30/3/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*** Kháng cáo:** Ngày 22/5/2023, người bị hại kháng cáo với nội dung: Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng xét xử bị cáo về tội giết người và xem xét lại các khoản bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng cũng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo cho rằng: Do lúc bị cáo đang đào hố chôn cọc rào thì bị hại đến và xô đẩy bị cáo, ngăn cản không cho bị cáo dựng cọc rào trên đất bị cáo nên đã dùng xà beng đánh vào tay. Sau đó bị hại tiếp tục lao về phía bị cáo. Theo phản xạ tự nhiên nên bị cáo giơ xà beng lên đánh và trúng vào vai của bị hại, mục đích chỉ cảnh cáo chứ không có ý định tước đoạt tính mạng của ông Đ. Khi được can ngăn bị cáo đã bỏ về và không tiếp tục thực hiện hành vi nữa.

Quá trình tranh luận tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Xuân T và cho rằng: Về tội danh, nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do tranh chấp đất đai, bị cáo sử dụng hung khí là xà beng là công cụ lao động có sẵn, vị trí bị đánh là khuỷu tay nên không có căn cứ xác định hành vi bị cáo là tội giết người. Về phần trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường hơn 48.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại yêu cầu bồi thường 151.870.000 đồng nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới đã bồi thường thêm cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận gì chỉ đề nghị HĐXX xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo là quá nhẹ, không đủ sức răn đe, giáo dục đối với hành vi côn đồ của bị cáo, bởi lẽ: Giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn với nhau nhưng bị cáo đã vô cớ gây thương tích cho bị hại; Bị cáo dùng xà beng (là hung khí nguy hiểm) đánh vào đầu bị hại; vị trí tấn công là đứng trực diện với người bị hại và tấn công dồn dập nhưng được vợ bị cáo can ngăn và bị hại né được mới trúng vào khuỷu tay bị hại; sau khi hậu quả xảy ra không đưa bị hại đi cấp cứu mà để mặc hậu quả xảy ra. Do đó, đề nghị HĐXX tuyên bố hành vi bị cáo phạm tội “Giết người” mới đúng với tính chất, mức độ hành vi bị cáo đã thực hiện. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu số tiền 151.870.000 đồng đều có hóa đơn chứng từ, đối với các khoản không có hóa đơn thì đều là các khoản chi phí hợp lý cho việc cấp cứu, điều trị, khám chữa thương tích của bị hại. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị hại.

Bị hại nhất trí với quan điểm bào chữa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

Qua tranh luận, đối đáp các bên vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Bùi Xuân T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 13/9/2022 trong lúc giữa bị cáo và ông Nguyễn Công Đ có lời qua tiếng lại với nhau về việc tranh chấp ranh giới đất đai, ông Đ đã có hành vi dùng tay đẩy bị cáo thì bị cáo đã dùng xà beng đánh 01 cái vào khuỷu tay và 01 cái vào bả vai của ông Đ. Hậu quả ông Đ bị thương tích 11% sức khỏe. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Xuân T đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[2] Xét kháng cáo của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Giết người” theo Điều

123 Bộ luật hình sự và thì thấy: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do trong lúc xô sát bị cáo đã dùng xà beng đang cầm sẵn trên tay đánh trúng tay và vai của bị hại gây thương tích 11%. Xét mức độ tấn công bị hại của bị cáo, vị trí và vùng tấn công cũng như hậu quả thương tích là ở tay, vai của bị hại không phải là vùng trọng yếu của cơ thể và không có khả năng dẫn đến chết người. Căn cứ vào nguyên nhân, động cơ mục đích, tính chất nguy hiểm của hành vi, công cụ dùng gây án và cách thức thực hiện cũng như cường độ tấn công, thời gian, không gian thực hiện tội phạm của bị cáo và xem xét hậu quả xảy ra không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc đề nghị xét xử bị cáo Bùi Xuân T về tội “Giết người” theo Điều 123 Bộ luật hình sự. Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Bùi Xuân T về tội “Cố ý gây thương tích” và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục một phần hậu quả được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo với mức hình phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đối với phần trách nhiệm dân sự. Cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 48.062.000đ (*bao gồm chi phí điều trị, tổn thất tinh thần, mất thu nhập 38 ngày theo yêu cầu của bị hại, tiền xe đưa đi cấp cứu, tiền công người chăm sóc và tiền bồi dưỡng sức khỏe*) đây là những chi phí hợp lý và những thiệt hại thực tế cho việc điều trị thương tích và phục hồi sức khỏe phù hợp với quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự. Số tiền bị hại yêu cầu không được chấp nhận 92.152.000đồng đây là những khoản chi phí không hợp lý và không đúng quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bị hại không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ES, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0001641 ngày 07/8/2023.

Từ những phân tích nhận định trên xét thấy kháng cáo của bị hại là không có căn cứ nên không chấp nhận mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5] Về án phí: Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không nhận kháng cáo của người bị hại ông Nguyễn Công Đ - Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 30/2023/HSST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp về phần tội danh và trách nhiệm dân sự.

[1] Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách của án treo giao bị cáo Bùi Xuân T cho UBND xã EB, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Bùi Xuân T phải tiếp tục bồi thường cho Ông Nguyễn Công Đ số tiền 41.862.000đ (Bốn mươi một triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Ông Nguyễn Công Đ được nhận số tiền 15.000.000đ do bị cáo Bùi Xuân T nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ES theo biên lai thu số 0001546 ngày 30/3/2023 và biên lai thu số 0001641 ngày 07/8/2023.

Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 26.862.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Bị cáo Bùi Xuân T, bị hại Nguyễn Công Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã EB, huyện ES;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện ES;
- VKSND huyện ES;
- Công an huyện ES;
- Chi cục THADS huyện ES;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Thông Kbuôr